BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 741 /QĐ-ĐHTM-HĐTS

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận thí sinh trúng tuyển đại học đào tạo từ xa đợt 3 năm 2025 khu vực miền Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-ĐHTM ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHTM ngày 15/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Đề án tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 06/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc Phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển đại học đào tạo từ xa đợt 3 năm 2025 khu vực miền Bắc;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **239** thí sinh trúng tuyển đại học đào tạo từ xa đợt 3 năm 2025 khu vực miền Bắc, trong đó:

- Ngành Quản trị kinh doanh (chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh): **65** thí sinh;
- Ngành Marketing (chương trình đào tạo Marketing thương mại): **49** thí sinh;
- Ngành Thương mại điện tử (chương trình đào tạo Quản trị Thương mại điện tử): **54** thí sinh;
- Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng): **42** thí sinh;

- Ngành Luật kinh tế (chương trình đào tạo Luật kinh tế): **29** thí sinh.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thí sinh có tên tại Điều 1 thực hiện nhập học theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025; Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG – PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

GS,TS Nguyễn Hoàng Việt

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng *(để b/cáo);*
- Như Điều 3 *(để t/hiện);*
- Lưu: VT, QLĐT.

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THẲNG
Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Đại học

(Kèm theo Quyết định số 741 /QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 06/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
1	A012	Nguyễn Lê Khánh	Hòa	Nam	15/05/2002	Đại học	Trường Đại học Điện Lực	Quản trị kinh doanh	
2	A018	Nguyễn Anh Mạnh	Linh	Nam	01/11/2001	Đại học	Trường Đại học Văn hoá Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
3	A019	Trần Thị Phương	Thanh	Nữ	25/11/2002	Đại học	Trường Đại học Dân lập Phương Đông	Quản trị kinh doanh	
4	A031	Trịnh Thị	Nga	Nữ	15/09/1989	Đại học	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quản trị kinh doanh	
5	A032	Trịnh Công	Hà	Nam	06/12/1992	Đại học	Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
6	A033	Hoàng Việt	Cường	Nam	24/10/2000	Đại học	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
7	A034	Phùng Quang	Sơn	Nam	02/08/2000	Đại học	Trường Đại học Hùng Vương	Quản trị kinh doanh	
8	A043	Nguyễn Minh	Thuý	Nữ	21/09/1999	Đại học	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Quản trị kinh doanh	
9	A044	Trần Thế	Thành	Nam	02/11/1998	Đại học	Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
10	A048	KimChul	Min	Nam	14/10/1979	Đại học	Trường Đại học Khoa học Công Nghệ - Đại học Quốc gia Hàn Quốc	Quản trị kinh doanh	
11	A049	Lương Vũ Thu	Hà	Nữ	21/12/2001	Đại học	Trường Đại học Thăng Long	Quản trị kinh doanh	
12	A054	Trần Thị	Nga	Nữ	07/08/1987	Đại học	Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
13	A055	Khuất Thị Ngọc	Linh	Nữ	08/10/2002	Đại học	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
14	A056	Lê Văn	Phú	Nam	20/10/1982	Đại học	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Quản trị kinh doanh	
15	A057	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	31/03/2002	Đại học	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Quản trị kinh doanh	
16	C007	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	20/07/1999	Đại học	Học Viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam	Marketing	
17	C015	Trần Vũ Hà	Thu	Nữ	25/10/1994	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Marketing	
18	C016	Nguyễn Huyền	My	Nữ	16/09/1999	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Marketing	
19	C017	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Nữ	11/08/1990	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Marketing	
20	C023	Nguyễn Thị Thu	Giang	Nữ	11/07/2002	Đại học	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	Marketing	
21	C030	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	03/10/1999	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Marketing	
22	C031	Nguyễn Đình Ngọc	Hải	Nam	22/02/2002	Đại học	Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	Marketing	
23	C043	Phan Minh	Hiếu	Nam	17/11/2002	Đại học	Trường Đại học FPT	Marketing	
24	I005	Nguyễn Thị Phương	Ngân	Nữ	16/10/1994	Đại học	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Thương mại điện tử	
25	I011	Ngô Anh	Giang	Nam	10/10/1998	Đại học	Trường Đại học Thủy Lợi	Thương mại điện tử	
26	I026	Phạm Thị	Thơ	Nữ	28/05/2000	Đại học	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Thương mại điện tử	
27	I040	Lê Diệu	Ánh	Nữ	03/06/2002	Đại học	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	
28	I053	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	18/09/2001	Đại học	Trường Đại học Hùng Vương	Thương mại điện tử	
29	LQ010	Phạm Thanh	Hà	Nữ	08/07/1992	Đại học	Trường Đại học Hàng hải VIệt Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
30	LQ019	Phạm Hồng	Thái	Nam	04/09/1996	Đại học	Trường Đại học Đại Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
31	LQ020	Vũ Thị Ngọc	Hân	Nữ	25/07/2002	Đại học	Trường Đại học Hạ Long	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
32	LQ032	Trần Ngọc Phương	Ngân	Nữ	15/08/1992	Đại học	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
33	LQ035	Nguyễn Thị	Thao	Nữ	27/07/2001	Đại học	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
34	LQ036	Vũ Mai	Phương	Nữ	31/10/2000	Đại học	Trường Đại học Mở Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
35	LQ038	Trần Anh	Thư	Nữ	25/01/1993	Đại học	Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
36	P001	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	01/09/1993	Đại học	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Luật kinh tế	
37	P002	Hà Văn	Lân	Nam	29/09/1980	Đại học	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Luật kinh tế	
38	P013	Lê Trần Nhật	Lệ	Nữ	13/08/2002	Đại học	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	Luật kinh tế	
39	P017	Nguyễn Quý	Dương	Nam	11/04/2003	Đại học	Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	Luật kinh tế	
40	P019	Đỗ Thị Hoài	Linh	Nữ	20/03/1998	Đại học	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Luật kinh tế	
41	P022	Nguyễn Đình	Lương	Nam	29/01/1978	Đại học	Học Viện Báo chí và Tuyên truyền	Luật kinh tế	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
42	P023	Phạm Hồng	Quân	Nam	15/05/1991	Đại học	Học Viện Hành chính	Luật kinh tế	
43	P026	Trần Thị	Tuyên	Nữ	07/03/1986	Đại học	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Luật kinh tế	
44	P028	Nguyễn Phương	Trang	Nữ	25/08/2001	Đại học	Trường Đại học Ngoại Thương	Luật kinh tế	
45	P029	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	10/10/1979	Đại học	Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật kinh tế	

(Danh sách gồm 45 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

GS,TS Nguyễn Hoàng Việt

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở CÁC BẬC HỌC TRƯỚC

Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Cao đẳng

(Kèm theo Quyết định số 741 /QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 06 /5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
1	A011	Đàm Tiến	Nam	Nam	15/06/2001	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	8,10	
2	A063	Trần Thị	Hà	Nữ	08/02/1992	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,78	
3	A010	Nguyễn Văn	Đại	Nam	08/09/2001	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du Lịch Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,61	
4	A064	Phạm Văn	Thuyên	Nam	14/08/1986	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	7,49	
5	A042	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	24/11/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Quản trị kinh doanh	7,40	
6	A047	Phạm Thị Tố	Uyên	Nữ	25/11/1991	Cao đẳng	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,93	
7	A046	Trần Thùy	Linh	Nữ	25/08/1990	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại	Quản trị kinh doanh	6,72	
8	A041	Nguyễn Anh	Hoàng	Nam	02/11/1991	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp	Quản trị kinh doanh	6,67	
9	A053	Phạm Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	09/08/1991	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	Quản trị kinh doanh	6,41	
10	A061	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	25/06/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công thương Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,39	
11	A062	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	28/09/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công thương Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,37	
12	A030	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	03/11/1990	Cao đẳng	Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	Quản trị kinh doanh	6,00	
13	C049	Phạm Nguyệt	Hằng	Nữ	12/06/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	8,50	
14	C035	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	02/07/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	8,40	
15	C028	Nguyễn Trường	Giang	Nam	24/02/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	8,10	
16	C039	Khuất Thị Trà	My	Nữ	03/11/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	7,80	
17	C047	Thái Thị Phương	Thảo	Nữ	18/07/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	7,80	
18	C048	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	23/11/2000	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y Tế Lâm Đồng	Marketing	7,39	
19	C006	Phạm Thuỳ	Ninh	Nữ	19/04/2002	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội	Marketing	7,23	
20	C029	Nguyễn Thị	Hoà	Nữ	23/08/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y Tế Hà Nội	Marketing	7,22	
21	C050	Hoàng Thị	Trang	Nữ	29/03/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y Hà Nội	Marketing	7,20	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
22	C046	Vũ Thị	Thảo	Nữ	19/09/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội	Marketing	6,78	
23	I022	Nguyễn Công	Nam	Nam	21/10/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,60	
24	I018	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	05/09/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,40	
25	I047	Tạ Thủy	Tiên	Nữ	27/08/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,40	
26	I028	Nguyễn Quang	Minh	Nam	13/09/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,30	
27	I030	Nguyễn Minh	Đức	Nam	06/04/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,20	
28	I046	Tô Minh	Ngọc	Nữ	06/12/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,20	
29	I052	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	14/12/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,00	
30	I032	Trần Hồng	Lam	Nữ	10/01/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,00	
31	I050	Lê Văn	Quý	Nam	04/10/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,00	
32	I051	Hà Phương	Thảo	Nữ	26/04/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,00	
33	I036	Đinh Thị Huyền	Trang	Nữ	29/07/2002	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,00	
34	I037	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	19/05/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,90	
35	I023	Nguyễn Viết	Trung	Nam	11/04/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,90	
36	I025	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	18/04/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,90	
37	I048	Dương Thái	Hoàng	Nam	21/04/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,80	
38	I033	Đoàn Anh	Thắng	Nam	22/02/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,80	
39	I004	Lê Anh	Quân	Nam	03/02/2002	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công thương Hà Nội	Thương mại điện tử	7,67	
40	I038	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	12/02/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,60	
41	I043	Nguyễn Hoàng Bảo	Khánh	Nữ	29/11/2005	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,60	
42	I039	Đỗ Xuân	Mai	Nữ	09/11/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,60	
43	I017	Mai Nam	Phương	Nữ	22/09/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,60	
44	I049	Nguyễn Quốc	Tuấn	Nam	06/05/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,60	
45	I015	Phạm Văn	Đức	Nam	31/10/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,50	
46	I029	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	30/09/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội	Thương mại điện tử	7,50	
47	I054	Vũ Minh	Huyền	Nữ	11/11/1990	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y Tế Phú Thọ	Thương mại điện tử	7,44	
48	I045	Ngọc Thị	Điệp	Nữ	15/11/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,40	
49	I034	Đinh Viết	Thắng	Nam	29/05/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,40	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
50	I044	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	21/10/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,20	
51	I031	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	29/06/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,10	
52	I016	Trần Hà Mai	Anh	Nữ	29/12/1992	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	Thương mại điện tử	7,09	
53	I024	Đoàn Thị	Hạnh	Nữ	25/03/1990	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y Tế Thanh Hóa	Thương mại điện tử	6,85	
54	I021	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	29/11/2005	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	6,60	
55	LQ026	Vũ Thị	Cúc	Nữ	17/11/2002	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách Khoa Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,40	
56	LQ027	Hoàng Thu	Trang	Nữ	02/11/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công thương Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,30	
57	LQ029	Bùi Thị	Nga	Nữ	18/07/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,20	
58	LQ018	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	21/03/2002	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,10	
59	LQ031	Dương Thị Thuý	Hiếu	Nữ	16/01/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,88	
60	LQ030	Phan Thị Bình	An	Nữ	01/04/2002	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách Khoa Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,80	
61	LQ042	Nguyễn Anh	Huy	Nam	12/09/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,70	
62	LQ028	Nguyễn Thị Thanh	Sim	Nữ	04/03/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách Khoa Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,40	
63	LQ014	Vũ Thị	Bích	Nữ	27/09/1991	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6,76	
64	P016	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	24/12/1999	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công Nghệ và Thương Mại Hà Nội	Luật kinh tế	7,51	
65	P021	Đỗ Quang	Minh	Nam	14/05/2001	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội	Luật kinh tế	7,16	

(Danh sách gồm 65 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

GS,TS Nguyễn Hoàng Việt

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở CÁC BẬC HỌC TRƯỚC

Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(phương thức xét tuyển theo học bạ/Bảng điểm THPT theo tổ hợp môn xét tuyển)

(Kèm theo Quyết định số 741 /QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 06/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	A013	Kiều Đức	Anh	Nam	30/04/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh	KV2	9,4	9,4	9,2	0,07	28,12	
2	A039	Mai Thanh	Thảo	Nữ	28/06/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Quản trị kinh doanh		8,6	9,1	8,9		26,40	
3	A015	Tạ Hạnh	Ngân	Nữ	26/06/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,6	7,6	8,3		24,83	
4	A050	Nguyễn Văn	Chung	Nam	22/06/1991	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh		7,9	8,9	8,1		24,60	
5	A026	Nguyễn Thái	Sơn	Nam	23/11/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Quản trị kinh doanh		8,4	7,9	8,1		24,60	
6	A001	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nữ	04/05/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	KV1	7,4	8,4	8,6	0,62	24,47	
7	A008	Nguyễn Cẩm	Ly	Nữ	18/12/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Quản trị kinh doanh		7,6	8,1	8,8		24,08	
8	A059	Phùng Mai	Anh	Nữ	31/12/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,8	8,4	7,9		23,93	
9	A017	Bùi Nguyễn Việt	Thắng	Nam	27/01/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,1	7,8	7,5		23,63	
10	A014	Bùi Thị Nguyệt	Ánh	Nữ	05/04/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,0	6,8	8,1		23,18	
11	A038	Trần Thị	Vui	Nữ	21/10/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		7,7	7,4	7,6		22,80	
12	A023	Nguyễn Đức	Anh	Nam	26/10/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,4	7,7	7,8		22,73	
13	A040	Phạm Minh	Tuấn	Nam	15/01/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh		7,8	7,5	7,2		22,73	
14	A006	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	21/10/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh		7,5	7,4	7,8		22,65	
15	A027	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	15/10/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,2	7,9	7,8		22,58	
16	A024	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	27/08/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Quản trị kinh doanh		6,9	7,7	8,3		22,35	
17	A002	Nguyễn Thanh	Bình	Nữ	21/08/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		7,0	7,7	8,0		22,28	
18	A021	Trần Thị Châu	Duyên	Nữ	14/02/1994	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,6	7,7	6,8		22,28	
19	A004	Bùi Thị Diệu	Linh	Nữ	12/10/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	KV2	6,8	7,2	8,0	0,25	21,85	
20	A035	Hoàng Thị Minh	Thùy	Nữ	28/12/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Quản trị kinh doanh	KV1	6,5	8,6	6,2	0,75	21,60	
21	A037	Doãn Thu	Phương	Nữ	29/05/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	KV2	7,0	7,2	7,2	0,25	21,55	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
22	A052	Bùi Thị Lệ	Quyên	Nữ	29/11/1993	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		7,5	7,1	6,6		21,53	
23	A005	Vũ Thị Thu	Uyên	Nữ	24/07/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Quản trị kinh doanh		6,6	8,4	7,1		21,53	
24	A028	Nguyễn Văn	Việt	Nam	03/04/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Quản trị kinh doanh		7,1	7,2	7,2		21,45	
25	A029	Trần Nhật	Huy	Nam	09/10/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Quản trị kinh doanh		7,1	7,0	7,2		21,30	
26	A036	Lâm Thị	Xuyến	Nữ	25/05/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	Quản trị kinh doanh		6,9	7,1	7,4		21,23	
27	A022	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	09/07/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Quản trị kinh doanh		6,8	6,8	7,4		20,85	
28	A065	Trương Thị Thuỳ	Anh	Nữ	27/12/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La	Quản trị kinh doanh	KV1	6,8	5,9	6,8	0,75	20,48	
29	A020	Nguyễn Trà	My	Nữ	02/02/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		5,7	7,6	8,0		20,25	
30	A003	Ngô Thị	Hạnh	Nữ	11/12/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,5	6,0	7,6		19,95	
31	A051	Hồ Sỹ	Tùng	Nam	16/06/1996	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh		6,5	7,1	6,4		19,88	
32	A058	Đinh Nhất	Vũ	Nam	30/12/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Quản trị kinh doanh		6,4	6,8	6,8		19,80	
33	A016	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	01/03/1983	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Quản trị kinh doanh		7,0	5,8	6,2		19,50	
34	A045	Dương Văn	Đức	Nam	15/10/1984	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		6,3	6,8	6,0		19,05	
35	A007	Dương Xuân	Biển	Nam	01/09/1994	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Quản trị kinh doanh		6,0	5,9	7,3		18,90	
36	A009	Đoàn Văn	Tình	Nam	24/07/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh		5,8	6,9	6,6		18,83	
37	A060	Dương Thị	Xuân	Nữ	21/04/1993	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh		5,1	6,7	7,4		18,23	
38	A025	Nguyễn Văn	Luyện	Nam	20/07/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Quản trị kinh doanh		5,0	7,2	5,1		16,73	
39	C021	Nguyễn Đình	Thịnh	Nam	14/02/1996	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		9,2	8,7	9,6		27,53	
40	C033	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	19/01/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Marketing		9,0	8,7	8,7		26,55	
41	C005	Hà Khánh	Linh	Nữ	26/08/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Marketing		8,8	7,6	8,5		25,28	
42	C044	Lê Thị Thu	Lan	Nữ	18/10/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Marketing		8,4	8,6	7,5		24,68	
43	C011	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	26/12/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,9	8,5	8,3		24,45	
44	C041	Đỗ Thị Phương	Thảo	Nữ	19/01/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Marketing		8,1	7,6	8,8		24,45	
45	C034	Vũ Duy	Quang	Nam	22/01/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Marketing		8,7	7,9	7,2		24,38	
46	C003	Ngụy Văn	Thuân	Nam	29/10/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Marketing		8,3	7,4	8,4		24,30	
47	C022	Huỳnh Hương	Giang	Nữ	17/10/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Marketing		8,2	8,3	7,3		24,00	
48	C040	Hoàng Gia	Như	Nữ	23/06/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,7	8,7	7,9		24,00	
49	C037	Trần Thị Khánh	Ly	Nữ	27/11/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Marketing		8,2	7,2	8,3		23,93	
50	C027	Phạm Lê Lan	Nhi	Nữ	29/10/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang	Marketing		7,3	8,4	8,7		23,78	
51	C018	Đặng Quang	Minh	Nam	23/11/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,2	7,7	7,4		23,63	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
53	C002	Phạm Trường	Giang	Nam	17/03/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,5	8,0	8,0		23,25	
52	C014	Tống Minh	Hoàng	Nam	20/04/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Marketing	KV1	8,0	7,1	6,9	0,75	23,25	
54	C042	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	21/10/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,8	7,5	7,8		23,18	
55	C036	Lý Phúc	An	Nam	30/03/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing	KV3	7,7	8,9	6,4		23,03	
56	C010	Đỗ Thanh	Dương	Nam	09/03/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Marketing		8,1	7,8	6,5		22,88	
57	C032	Nguyễn Hồng Ngọc	Anh	Nữ	29/06/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Marketing		7,9	7,5	7,1		22,80	
58	C045	Ngô Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	26/05/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Marketing	KV2	6,5	8,5	8,4	0,25	22,68	
59	C013	Nguyễn Văn	Quyền	Nam	21/09/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Marketing		7,5	8,2	7,0		22,65	
60	C004	Lê Phương	Lan	Nữ	29/09/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Marketing		7,2	7,6	8,0		22,50	
61	C019	Nguyễn Đức Bảo	Hưng	Nam	10/07/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Marketing		7,5	7,1	7,5		22,20	
62	C025	Nguyễn Thuỳ	Linh	Nữ	21/11/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	Marketing		6,8	7,6	7,2		21,30	
63	C012	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	17/12/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Marketing		7,2	6,3	7,2		20,93	
64	C024	Lê Minh	Quang	Nam	17/04/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		6,6	6,7	7,5		20,55	
65	C020	Ngô Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	11/03/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing	KV3	6,3	7,2	7,5		20,48	
66	C001	Đỗ Khương	Duy	Nam	20/06/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		6,5	6,9	7,3		20,40	
67	C009	Hà Minh	Huệ	Nữ	17/06/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Marketing		6,0	7,5	7,6		20,33	
68	C008	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	15/10/1996	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Marketing		5,3	7,0	5,8		17,55	
69	C026	Đoàn Thị	Thanh	Nữ	03/03/1996	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Marketing		5,4	5,4	5,4		16,20	
70	I003	Nguyễn Đình Lâm	Hoàng	Nam	17/06/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Thương mại điện tử		8,8	8,2	8,4		25,65	
71	I020	Đặng Thị	Hồng	Nữ	12/07/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Thương mại điện tử		7,8	8,5	8,2		24,23	
72	I006	Nguyễn Bảo	Yến	Nữ	11/01/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		8,1	7,4	7,8		23,55	
73	I041	Nguyễn Hữu	Linh	Nam	12/07/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,9	9,1	8,4		23,48	
74	I012	Vũ Đức	Phong	Nam	22/08/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Thương mại điện tử	KV3	7,9	7,8	7,1		23,03	
75	I019	Nguyễn Xuân	Hiếu	Nam	02/08/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử	KV3	6,4	8,7	9,0		22,88	
76	I001	Lê Bá	Thinh	Nam	27/01/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Thương mại điện tử		7,8	6,7	7,8		22,58	
77	I002	Nguyễn Đình	Bảo	Nam	23/04/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Thương mại điện tử		7,3	8,0	7,2		22,35	
78	I014	Lê Thanh	Nhã	Nữ	05/11/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Kạn	Thương mại điện tử		7,1	7,6	7,7		22,13	
79	I013	Lê Thị Anh	Tú	Nữ	24/05/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Thương mại điện tử		7,0	6,7	8,4		21,83	
80	I042	Mai Huy	Hoàng	Nam	16/03/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		7,1	6,9	7,5		21,45	
81	I027	Đào Đăng	Duy	Nam	06/11/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,7	7,6	7,4		21,30	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
82	I035	Vũ Tiến	Dũng	Nam	01/10/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Thương mại điện tử		7,0	7,7	6,0		20,78	
83	I008	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/05/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Thương mại điện tử		6,7	6,9	6,8		20,33	
84	I010	Nguyễn Như Trường	Sơn	Nam	11/04/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,7	6,2	7,3		20,18	
85	I007	Nguyễn Thảo	Ly	Nữ	08/07/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu	Thương mại điện tử		5,8	6,5	7,4		19,13	
86	I009	Nguyễn Anh	Ngọc	Nam	13/06/1988	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,0	5,2	6,4		17,70	
87	LQ013	Nông Thanh	Sơn	Nam	27/12/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV3	8,8	8,9	9,4		26,93	
88	LQ002	Vũ Thu	Hà	Nữ	18/09/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		9,7	8,4	8,0		26,85	
89	LQ009	Dương Hải	Hoàng	Nam	21/12/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		9,1	8,5	8,3		26,25	
90	LQ016	Hà Thuỳ	Ninh	Nữ	12/04/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,4	8,4	9,0		25,65	
91	LQ012	Ma Thu	Hường	Nữ	17/04/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV2	8,5	8,1	8,5	0,16	25,36	
92	LQ034	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	27/03/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,6	8,1	8,0		24,98	
93	LQ041	Phan Ngọc	Đạt	Nam	10/10/1993	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,4	7,8	8,3		24,68	
94	LQ001	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	23/06/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV1	7,9	8,2	8,1	0,59	24,67	
95	LQ025	Nguyễn Đình	Phượng	Nam	21/11/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,7	8,9	6,5		24,60	
96	LQ003	Đinh Ngọc	Linh	Nam	20/08/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,9	8,1	8,6		24,38	
97	LQ022	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	01/01/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,5	9,1	8,2		24,23	
98	LQ021	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	18/06/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,5	8,1	7,8		23,18	
99	LQ005	Nguyễn Đình	Trường	Nam	22/12/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,8	7,4	7,9		23,18	
100	LQ040	Cù Tuấn	Phong	Nam	12/03/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV3	7,2	8,1	8,1		22,95	
101	LQ007	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	24/07/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV3	8,3	6,9	7,1		22,95	
102	LQ024	Triệu Kim	Uyên	Nữ	09/05/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,4	8,4	6,5		22,28	
103	LQ015	Phạm Thị	Huệ	Nữ	03/12/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,2	7,4	7,6		22,05	
104	LQ011	Đinh Thụy	Phước	Nam	26/07/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,8	7,2	6,0		21,60	
105	LQ033	Nguyễn Đắc	Hoàn	Nam	20/07/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,0	6,8	7,8		21,45	
106	LQ017	Hoàng Lý Thái	Sơn	Nam	17/07/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,7	6,7	7,3		20,55	
107	LQ023	Hoàng Tiến	Thông	Nam	25/06/1995	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,8	7,1	6,6		20,48	
108	LQ008	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	19/01/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV1	6,5	7,3	5,7	0,75	20,25	
109	LQ037	Trịnh Thị Hồng	Thắm	Nữ	22/05/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,9	5,7	6,6		19,58	
110	LQ039	Đinh Thanh	Tùng	Nam	17/06/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,8	7,1	7,4		19,58	
111	LQ006	Nguyễn Thành	Luân	Nam	26/04/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,2	6,4	7,0		19,35	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
112	LQ004	Trần Văn	Việt	Nam	17/11/1996	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,6	6,0	6,6		17,85	
113	P006	Trần Lê Bình	Minh	Nam	03/02/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế	KV3	8,7	8,3	9,1		26,10	
114	P010	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	23/06/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế	KV3	8,7	8,8	8,3		25,88	
115	P007	Nguyễn Phúc	Đạt	Nam	09/02/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		7,9	8,8	9,1		25,28	
116	P018	Ngô Khánh	Linh	Nữ	09/12/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế	KV3	8,2	8,5	8,6		25,13	
117	P027	Nguyễn Phạm Hoàng	Anh	Nữ	06/11/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	Luật kinh tế		8,1	8,2	8,5		24,68	
118	P012	Trần Châu	Lân	Nam	30/03/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		7,8	8,6	8,3		24,38	
119	P024	Đoàn Thị Thuý	Nga	Nữ	14/08/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Luật kinh tế		8,0	7,1	8,1		23,40	
120	P009	Bùi Hoàng	Nam	Nam	01/02/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		8,1	6,7	8,1		23,25	
121	P015	Nguyễn Công	Tú	Nam	04/11/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Luật kinh tế		7,5	7,9	7,9		23,10	
122	P005	Hồ Minh	Hiếu	Nam	21/08/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Luật kinh tế		7,4	7,2	8,6		22,95	
123	P025	Trương Công	Minh	Nam	16/11/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		7,6	7,6	7,8		22,95	
124	P003	Nguyễn Thuỳ Trang	Linh	Nữ	10/01/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Luật kinh tế		7,4	6,0	7,4		21,15	
125	P020	Mai Thị Ngọc	Bích	Nữ	03/02/1993	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Luật kinh tế		6,9	6,8	6,7		20,48	
126	P014	Vũ Công	Anh	Nam	06/12/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		7,1	7,4	5,5		20,33	
127	P008	Nguyễn Thắng	Hiệp	Nam	11/10/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Luật kinh tế		5,7	6,9	7,8		19,58	
128	P004	Hoàng Thị	Khánh	Nữ	01/09/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	Luật kinh tế		6,4	6,1	5,0		17,93	
129	P011	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	21/02/1994	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Luật kinh tế		5,5	5,3	5,9		16,65	

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

GS,TS Nguyễn Hoàng Việt